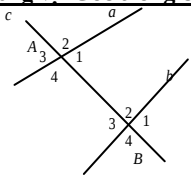
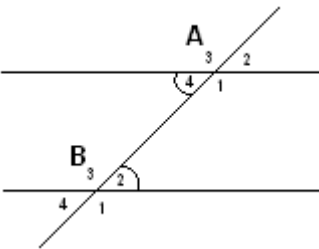


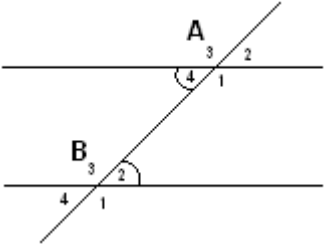
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC KHỐI 7 - TUẦN 3
(từ 20/9/2021 đến 26/9/2021)

MÔN TOÁN KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	§4. GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA SỐ THẬP PHÂN
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ Vận dụng- Luyện tập	1/ Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ. $ x = \begin{cases} x & \text{nếu } x \geq 0 \\ -x & \text{nếu } x < 0 \end{cases}$ Ví dụ: $3,5 = 3,5$; $\left \frac{-1}{2} \right = \frac{1}{2}$; $-2 = 2$; $0 = 0$ 2/ Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân Ví dụ 1 : a. $(-1,13) + (-0,264) = -(1,13 + 0,264) = -1,394$ b. $0,245 - 2,134 = 0,245 + (-2,134) = -(2,134 - 0,245) = -1,889$. c. $(-5,2).3,14 = -(5,2.3,14) = -16,328$. Ví dụ 2 : a. $(-0,408) : (-0,34) = +(0,408 : 0,34) = 1,2$. b. $(-0,408) : 0,34 = -(0,408 : 0,34) = -1,2$. BÀI TẬP 1/ Tính nhanh: a) $(-2,5.0,38.0,4) - [0,125.3,15.(-8)]$ b) $[-20,38.0,2 + (-9,17).0,2] : [2,47.0,5 - (-3,53).0,5]$ 2/ Tìm x biết: a) $x + 5,6 = 7,1$ b) $\frac{3}{7}x - 0,4 = \frac{-17}{35}$ d) $(x : 2,2) \cdot \frac{1}{6} = \frac{-3}{8} \cdot \left(0,5 - 1\frac{3}{5}\right)$ e) $0,75x - 2,1 = -6$
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.
NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	LUYỆN TẬP
Hoạt động 1: Vận dụng- Luyện tập	I/ Ví dụ: 1/ Tính nhanh a) $\left(\frac{-2}{3} + \frac{3}{7}\right) : \frac{4}{5} + \left(\frac{-1}{3} + \frac{4}{7}\right) : \frac{4}{5} = \left(\frac{-2}{3} + \frac{3}{7} + \frac{-1}{3} + \frac{4}{7}\right) : \frac{4}{5} = 0$ b) $\frac{5}{9} : \left(\frac{1}{11} - \frac{5}{22}\right) + \frac{5}{9} : \left(\frac{1}{15} - \frac{2}{3}\right) = \frac{5}{9} : \left(\frac{-3}{22} + \frac{-9}{15}\right) = \frac{5}{9} : \left(\frac{-3}{22} + \frac{-3}{5}\right) = \frac{5}{9} \cdot \frac{22.5}{-81} = \frac{-550}{729}$ 2/ Tính nhanh a) $6,3 + (-3,7) + 2,7 + (-0,3) = 9 + (-4) = 5$ b) $-4,9 + 5,5 + 4,9 + (-5,5) = (-4,9 + 4,9) + (-5,5 + 5,5) = 0$ c) $-6,5.2,8 + 2,8.(-3,5) = 2,8.[-6,5 + (-3,5)] = 2,8.(-10) = -28$ II/ Bài tập: Bài 1: Tính giá trị của các biểu thức sau (hợp lí nếu có thể): a) $3,7 + (-10) + 4,78 + 6,3$ b) $-4,1 + (-13,7) + 59 + (-5,9) + (-6,3)$ c) $25.(-5).(-0,4).(-0,2)$ d) $(-0,25).0,02.40.(-50).(-201,43)$

	e) $65,9 - 137,45 + 115,9 - 37,45$ Bài 2: Tìm x biết: a) $\frac{1}{5} + x = \frac{-2}{3}$ b) $1\frac{3}{4} \cdot x + 1\frac{1}{2} = -\frac{4}{5}$ c) $x = 3,5$ d) $1 - x + 0,73 = 3$ e) $\frac{-5}{8} + x = \frac{4}{9}$ g) $x(\frac{1}{5} + \frac{1}{4}) - (\frac{1}{7} + \frac{1}{8}) = 0$ h) $x = -2,7$ i) $x + \frac{3}{4} - 5 = -2$
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.
NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	§3. CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ: Vận dụng- Luyện tập	1/ Góc so le trong- Góc đồng vị- Góc trong cùng phía:  Cặp góc so le trong: A_1 và B_3; A_4 và B_2 Cặp góc đồng vị: A_1 và B_1; A_2 và B_2; A_3 và B_3; A_4 và B_4 Cặp góc trong cùng phía: A_1 và B_2; A_4 và B_3 2/ Tính chất: Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a và b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì: a) Hai góc so le trong còn lại bằng nhau. b) Hai góc đồng vị bằng nhau. VÍ DỤ:  Cho $A_4 = B_2 = 45^\circ$ a) Hãy tính A_1, B_3 b) Hãy tính A_2, B_4 GIẢI: a) Tính A_1 và B_3: - Vì A_1 kề bù với A_4 nên $A_1 = 180^\circ - A_4 = 135^\circ$ - $A_4 = B_2 = 45^\circ \Rightarrow A_1 = B_3 = 135^\circ$ b) Tính A_2, B_4: - Vì A_2 đối đỉnh A_4; B_4 đối đỉnh B_2 $\Rightarrow A_2 = 45^\circ; B_4 = B_2 = 45^\circ$

	BÀI TẬP  Cho hình vẽ $A_4 = B_2 = 50^\circ$. 1/ Hãy viết tên bốn cặp góc đồng vị với số đo của chúng. 2) Viết tên các cặp góc trong cùng phía và tính tổng số đo của các cặp góc đó.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

MÔN LÝ KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học Bài 3: Ứng dụng của định luật truyền thẳng ánh sáng	Lưu ý các em học sinh: + Ghi vào tập tên bài, nội dung trọng tâm. + Tự tìm hiểu thông tin sgk , tài liệu từ internet
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu	Bài 3: Ứng Dụng Của Định Luật Truyền Thẳng Ánh Sáng - Bóng tối – Bóng nửa tối - Trên màn chắn đặt phía sau vật cản có một vùng không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng tới gọi là bóng tối - Trên màn chắn đặt phía sau vật cản có vùng chỉ nhận được ánh sáng từ một phần của nguồn sáng tới gọi là bóng nửa tối II. Nhật thực – nguyệt thực 1. Nhật thực: ▪ Nhật thực xảy ra vào ban ngày ▪ Khi đó Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất cùng nằm trên một đường thẳng. ▪ Mặt Trời bị Mặt Trăng che khuất. ▪ Vùng tối (hay bóng nửa tối) trên Trái Đất cho ta thấy hiện tượng Nhật thực toàn phần (hoặc 1 phần) 2. Nguyệt thực: ▪ Nguyệt thực xảy ra ban đêm. ▪ Khi đó, Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng cùng nằm trên một đường thẳng. ▪ Mặt Trăng bị trái đất che khuất không được mặt trời chiếu sáng
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<u>Dựa vào thông tin vừa đọc, tìm hiểu, học sinh hoàn thành các câu hỏi sau:</u> C5: Ở thí nghiệm 2, di chuyển miếng bìa từ từ lại gần màn chắn. Quan sát xem bóng tối và bóng nửa tối thay đổi như thế nào?

C6: Ban đêm khi dùng một quyển vở che kín một bóng đèn dây tóc đang sáng, trên bàn sẽ tối, có khi không thể đọc sách được. Nhưng nếu dùng quyển vở che đèn ống thì ta vẫn đọc được. Giải thích vì sao lại có sự khác nhau đó?

.....

MÔN SINH KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ										
TIẾT 5: Trùng biến hình- Trùng giày Khối 6	Lưu ý các em học sinh: ghi vào tập tên bài và nội dung trọng tâm bài.										
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Nội dung ghi bài: I.Trùng biến hình : -<i>Nơi sống</i> : ở mặt bùn trong ao tù hay các hồ nước lợ. -<i>Cấu tạo</i> : +Cơ thể đơn bào gồm chất nguyên sinh và nhân. +Di chuyển và bắt mồi nhờ chân giả do dòng chất nguyên sinh dồn về một phía. -<i>Dinh dưỡng</i> : +Dị dưỡng, tiêu hóa nội bào nhờ không bào tiêu hóa. +Hô hấp qua màng cơ thể. +Bài tiết qua không bào co bóp. -Sinh sản:vô tính bằng cách phân đôi. II.Trùng giày : -<i>Cấu tạo</i> : +Cơ thể đơn bào gồm : nhân nhỏ và nhân lớn , một không bào co bóp hình hoa thị, không bào tiêu hóa,rãnh miệng có lỗ miệng và hầu. +Di chuyển nhờ lông bơi -<i>Dinh dưỡng</i>: +Dị dưỡng,lấy thức ăn thụ động nhờ lông bơi, tiêu hóa thức ăn nhờ không bào tiêu hóa và enzym tiêu hóa. +Hô hấp qua màng cơ thể. +Bài tiết qua không bào co bóp , và thải bã qua lỗ thoát. -<i>Sinh sản</i> : +Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều ngang. +Hữu tính bằng cách tiếp hợp. H: Em hoàn thành bảng so sánh các đặc điểm của 3 loại trùng vừa tìm hiểu <table><tr><th>Đặc điểm</th><th>Trùng roi xanh</th><th>Trùng biến hình</th><th>Trùng giày</th></tr><tr><td>Nơi sống</td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>			Đặc điểm	Trùng roi xanh	Trùng biến hình	Trùng giày	Nơi sống			
Đặc điểm	Trùng roi xanh	Trùng biến hình	Trùng giày								
Nơi sống											

	Dinh dưỡng Có 2 cách: -..... -..... -Hô hấp:.... -Bài tiết :....	Dinh dưỡng : -..... -Tiêu hóa..... -Hô hấp..... -Bài tiết.....												
	Sinh sản Vô tính bằng cách theo chiều	Vô tính bằng cách theo chiều - Vô tính bằng cách.....theo chiều..... - Hữu tính bằng cách.....												
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Củng cố: (Mức độ nhận biết) 1.Trả lời câu hỏi 1,2 SGK/trang 22 2. Điền từ thích hợp vào ô trống: (Mức độ hiểu) Tập đoàn..... tuy gồm nhiều tế bào có liên kết lại với nhau tạo thành nhưng vẫn chỉ là nhóm động vật....., vì mỗi tế bào vẫn vận động và dinh dưỡng độc lập. Chúng gọi ra mối quan hệ về nguồn gốc giữa động vật đơn bào và động vật..... 3.Giải thích tên gọi của trùng roi xanh, trùng biến hình? Dặn dò: Đọc phần “Em có biết?”- Xem trước bài 6SGK/trang 23													
NỘI DUNG	GHI CHÚ													
Tiết 6: Trùng Kiết Lị Và Trùng Sốt Rét	Lưu ý các em học sinh: ghi vào tập tên bài và nội dung bài.													
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Nội dung ghi bài: <table><tr><td></td><td> Trùng kiết lị </td><td> Trùng sốt rét </td></tr><tr><td> Cấu tạo </td><td> -Có chân giả ngắn -không có không bào </td><td> -không có cơ quan di chuyển -không có các không bào </td></tr><tr><td> Dinh dưỡng </td><td> -Thực hiện qua màng tế bào -Nuốt hồng cầu </td><td> -Thực hiện qua màng tế bào -Lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu </td></tr><tr><td> Phát triển </td><td> Trong môi trường →kết bào xác→vào ruột người→chui ra khỏi bào xác→bám vào thành ruột </td><td> Trong tuyến nước bọt của muỗi→vào máu người→chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá hủy hồng cầu. </td></tr></table> H: Qua bài học này các em nêu được đặc điểm cấu tạo của trùng sốt rét và trùng kiết lị với lối sống kí sinh ? H: Từ nội dung đã tìm hiểu chỉ rõ tác hại do hai loại trùng gây ra và đề xuất thử cách phòng chống bệnh kiết lị và sốt rét trong cộng đồng. 			Trùng kiết lị	Trùng sốt rét	Cấu tạo	-Có chân giả ngắn -không có không bào	-không có cơ quan di chuyển -không có các không bào	Dinh dưỡng	-Thực hiện qua màng tế bào -Nuốt hồng cầu	-Thực hiện qua màng tế bào -Lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu	Phát triển	Trong môi trường →kết bào xác→vào ruột người→chui ra khỏi bào xác→bám vào thành ruột	Trong tuyến nước bọt của muỗi→vào máu người→chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá hủy hồng cầu.
	Trùng kiết lị	Trùng sốt rét												
Cấu tạo	-Có chân giả ngắn -không có không bào	-không có cơ quan di chuyển -không có các không bào												
Dinh dưỡng	-Thực hiện qua màng tế bào -Nuốt hồng cầu	-Thực hiện qua màng tế bào -Lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu												
Phát triển	Trong môi trường →kết bào xác→vào ruột người→chui ra khỏi bào xác→bám vào thành ruột	Trong tuyến nước bọt của muỗi→vào máu người→chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá hủy hồng cầu.												
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự	Luyện tập: Mức độ nhận biết Câu 1: Trùng sốt rét khác trùng kiết lị ở đặc điểm: A. Sống kí sinh													

học.	B. Dinh dưỡng nhờ hồng cầu C. Gây bệnh nguy hiểm chết người D. Có trao đổi vật chủ, kí sinh ở trong máu người và thành ruột, tuyến nước bọt của muỗi Anophen Câu 2: Trùng kiết lị không có đặc điểm: A. Di chuyển bằng chân giả B. Xuyên nhập vào cơ thể người qua thức ăn nước uống C. Phải có vật trung gian mới vào được cơ thể người D. Gây nhiều bệnh cho người. Dặn dò: Trả lời câu hỏi sgk trang 25 -Kẻ bảng 1 và 2 sgk trang 26 và 28 tìm hiểu đặc điểm chung và vai trò của động vật nguyên sinh.
-------------	--

MÔN TIN KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ		
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 2. CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH VÀ DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH		
Hoạt động 1: Xem lại nội dung tiết trước và làm theo yêu cầu.	1. Kiểm tra kiến thức cũ		
		Hoạt động:	Nội dung:
	Hoạt động 1:	Nêu các bước lưu file Excel?	
	Hoạt động 2:	Nếu các cách để kết thúc làm việc với Excel?	
Hoạt động 2: Nội dung bài mới	1. Bảng tính		
	- Một bảng tính gồm nhiều trang tính. Một bảng tính mới mở sẽ gồm ba trang tính trống. Các trang tính được phân biệt bằng tên (ngầm định là Sheet1, Sheet2, Sheet3) trên các nhãn ở phía dưới màn hình. - Trang tính được kích hoạt là trang tính được hiển thị trên màn hình, có nhãn màu trắng, tên trang viết bằng chữ đậm.		
	2. Các thành phần chính trên trang tính		
	- Hộp tên: Ô bên trái thanh công thức, hiển thị địa chỉ của ô được chọn. - Khôi: Là một nhóm các ô liên kề nhau tạo thành hình chữ nhật. - Thanh công thức: Thanh công thức cho biết nội dung(dữ liệu hoặc công thức) của ô đang được chọn.		
	3. Dữ liệu trên trang tính		
	a. <u>Dữ liệu số:</u> - Dữ liệu số là các số 0,1,...,9, dấu cộng(+) chỉ số dương, dấu trừ (-) chỉ số âm và dấu % chỉ tỉ lệ phần trăm. Dữ liệu số có thể là số nguyên hoặc số thập phân. VD: 9,200,-200,2%.....		
	b. <u>Dữ liệu kí tự:</u>		
	- Dữ liệu kí tự là dãy các chữ cái, chữ số và các kí hiệu. VD:"Lop 7A","Hoc Tập"... Ngầm định dữ liệu kí tự được căn lề trái.		
	4. Chọn các đối tượng trên trang tính		
	Để chọn các đối tượng trên trang tính ta thực hiện như sau: - Chọn một ô: Đưa con trỏ chuột tới ô đó và nhấp chuột. - Chọn một hàng: Nhấp chuột tại nút tên hàng.		

Hoạt động 3: Cũng cố	- Chọn một cột: Nháy chuột tại nút tên cột. - Chọn một khối: Kéo thả chuột từ một ô góc đến ô ở góc đối diện. 1. Cũng cố - Câu hỏi 3/tr 21
-----------------------------	--

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tiết 9: Văn bản CA DAO, DÂN CA :NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH (dạy bài 1 và 4)
Hoạt động 1:	I. Giới thiệu chung *Khái niệm về ca dao, dân ca (xem chú thích / SGK/35). II. Đọc - hiểu văn bản 1. Đọc- chú thích 2. Thể thơ - Cùng chủ đề về tình cảm gia đình. - Bài thơ ngắn - Thể thơ: lục bát. 3. Phân tích 3.1. Bài ca dao 1 - Lời mẹ ru con, nói với con về công lao cha mẹ và bổn phận của người làm con. + Công cha - núi ngất trời + Nghĩa mẹ - nước ngoài biển Đông. -> Hình ảnh so sánh cụ thể =>khẳng định công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái. - "Cù lao 9 chữ ghi lòng con ơi !" -> Giọng điệu tôn kính, nhấn nhủ, tâm tình. => Lời khuyên thấm thía, sâu sắc về bổn phận trách nhiệm của con cái 3.2. Bài ca dao 4 - Tiếng hát về tình cảm gắn bó của anh em trong gia đình. + Nào phải người xa. + Cùng chung bác mẹ + Một nhà cùng thân ->từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất. =>Anh em là hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà. - Như thể tay chân ->Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em. - Anh em... hai thân vui vầy. -> Nhấn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau. 4. Tổng kết * Ghi nhớ (SGK/36) III. Luyện tập.

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học .	Em làm bài phần tập luyện tập trong sách vào vở ghi nhé. *Đối với bài cũ - Học thuộc - nắm chắc nội dung, ý nghĩa hai bài ca dao 1 và 4. - Suru tìm một số bài ca dao, dân ca khác có nội dung tương tự . *Đối với bài mới - Chuẩn bị: Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người. + Đọc 4 bài ca dao + Trả lời các câu hỏi liên quan đến bài 1 và bài 4 trong Đọc - hiểu văn bản + Tìm 1 số bài ca dao có nội dung tương tự.
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7 Hoạt động 1 Hoạt động 2 Hoạt động 3: Kiểm	Tiết: 10: Văn bản : NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI (Dạy bài 1 và 4) I. Giới thiệu chung II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc - hiểu chú thích 2. Kết cấu – bố cục - Hình thức diễn đạt: thơ lục bát là chủ yếu, đối đáp, gọi mời. - PTBD: biểu cảm 3. Phân tích 3.1. Bài ca dao số 1 - Hình thức đối đáp → phổ biến trong ca dao , dân ca. + Phần đầu: Lời hỏi + Phần sau: Lời đáp - Địa danh: Thành Hà Nội, sông Lục Đầu, sông Thương, Núi Tản, đền Sòng, tỉnh Lạng. -> gắn với mỗi địa phương, là nơi nổi tiếng về đặc điểm tự nhiên, lịch sử văn hóa ở Bắc Bộ. => Nhằm thử tài hiểu biết, trí thông minh, chia sẻ, bày tỏ tình cảm và bộc lộ lòng yêu quý, niềm tự hào, tình yêu đối với quê hương đất nước. 3.2. Bài ca dao số 4 * Hai câu đầu: tả cảnh. - Từ gợi tả. - Phép đối, điệp ngữ, đảo ngữ → Không gian rộng lớn, mệnh mệnh, trù phú, đầy sức sống của cánh đồng lúa. * Hai câu cuối: tả cô gái - Từ ngữ, hình ảnh so sánh đặc sắc, gợi tả. -> Gợi vẻ đẹp trẻ trung, phơi phới, căng tràn sức sống của cô thôn nữ. 4. Tổng kết Ghi nhớ (SGK - 40) III. Luyện tập Em làm bài tập phần luyện tập trong sách vào vở ghi nhé. * HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

tra, đánh giá quá trình tự học . Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7 Hoạt động 1: Đọc ngữ liệu SGK/41 và thực hiện các yêu cầu . 1.Các loại từ láy 2.Nghĩa của từ láy Hoạt động 2:Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. * HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ * Đối với bài cũ - Học ghi nhớ/42 - Hoàn thành bài tập1, 2, 3, 5, 6/ tr 43 *Đối với bài mới Chuẩn bị bài “Quá trình tạo lập văn bản,? Nêu các bước tạo lập văn bản? Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7 Hoạt động 1:	* Đối với bài cũ - Thuộc ghi nhớ, thuộc 2 bài ca dao; nắm được nội dung, nghệ thuật từng bài. - Sưu tầm những bài ca dao khác cùng chủ đề. * Đối với bài mới : Chuẩn bị: Từ láy ? Thế nào là từ láy ? (xem lại lớp 6)? Có những loại từ láy nào ? Nghĩa của từ láy ? Tiết 11:Tiếng việt : TỪ LÁY I. Các loại từ láy 1. Phân tích ngữ liệu: SGK/41 - Đăm đăm: các tiếng lặp lại hoàn toàn -> láy toàn bộ. - Mếu máo: lặp lại phụ âm đầu. - Liều xiêu: lặp lại phần vần. -> láy bộ phận. * Có 2 loại từ láy: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận 2. Ghi nhớ (SGK-42) II. Nghĩa của từ láy 1. Phân tích ngữ liệu: SGK/42 - Ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu → mô phỏng âm thanh - Lí nhí, li ti, ti hí - Nghĩa: Những sự vật, sự việc nhỏ bé, nhỏ nhẹ... - Nhấp nhô, phập phồng, bập bênh - Nghĩa: biểu thị trạng thái vận động xuống, lên liên tiếp, khi phồng khi xẹp khi nổi khi chìm... → Nghĩa của từ láy tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh và sự hoà âm phối thanh giữa các tiếng. - Mềm mại: Sắc thái biểu cảm hơn so với tiếng gốc mềm. - Đo đo: Sắc thái nghĩa giảm nhẹ (nhạt hơn) so với tiếng gốc đo. →Nghĩa của từ láy có sắc thái riêng so với tiếng gốc. 2. Ghi nhớ (SGK-42) II. Luyện tập: Các em làm bài tập trong sách giáo khoa trang 43 vào tập. Tiết 12:Tập làm văn: QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN I. Các bước tạo lập văn bản 1. Phân tích ngữ liệu - Khi có nhu cầu giao tiếp -> tạo lập văn bản (nói - viết) *Bước 1:Định hướng VB - Viết cho ai? - Viết để làm gì?
---	---

Hoạt động 2:Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học (Luyện tập)	- Viết về cái gì? - Viết như thế nào? *Bước 2:Tìm ý và lập dàn ý. *Bước 3: Viết bài hoàn chỉnh theo các bước * Bước 4: Kiểm tra văn bản 2. Ghi nhớ: SGK/46 II. Luyện tập Các em làm bài tập trong SGK vào tập nhé! * Học bài cũ: - Làm bài tập trong SGK trang 46,47 * Chuẩn bị bài mới Soạn bài: Đọc và trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu văn bản bài: Những câu hát than thân (bài 1, 3); Những câu hát châm biếm (bài 1,2)
---	--

MÔN SỬ KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 4: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN (Tiếp theo) 4.Trung Quốc Thời Tống – Nguyên a. Thời Tống - Miễn giảm thuế và sưu dịch. - Mở mang thủy lợi. - Phát triển thủ công nghiệp: khai mỏ, luyện kim, dệt tơ lụa... - Nhiều phát minh quan trọng: la bàn, thuốc súng, nghề in... b.Thời Nguyên - Phân biệt đối xử giữa người Mông Cổ với người Hán. - Nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. 5. Trung Quốc thời Minh – Thanh - Năm 1368 <i>Chu Nguyên Chương</i> lập ra nhà Minh - Năm 1644 <i>nhà Thanh</i> được thành lập. - Xã hội phong kiến bị suy thoái: + Vua quan ăn chơi trụy lạc. + Nông dân, thợ thủ công phải nộp tô thuế nặng nề và đi lao dịch, đi phu. + Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện và mở rộng buôn bán với nước ngoài. 6. Văn hoá, khoa học – kỹ thuật Trung Quốc thời phong kiến a. Văn hóa - Tư tưởng: Nho giáo. - Văn học, sử học: rất phát triển. - Nghệ thuật: hội hoạ, điêu khắc, kiến trúc... đều ở trình độ cao. b. Khoa học – kỹ thuật - Tứ đại phát minh: <i>la bàn, thuốc súng, nghề in, giấy viết.</i> - Kỹ thuật đóng tàu, luyện kim, khai thác dầu mỏ...
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	+ Gạch dưới đoạn in nghiêng sgk/13, 14. + Hs xem bảng tra cứu thuật ngữ cuối sgk/152- 155.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1/ Chính sách cai trị Trung quốc thời Tống - Nguyên? 2/ Hs trả lời câu hỏi số 3 cuối bài (sgk/15)

MÔN ĐỊA KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 5: ĐỚI NÓNG. MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu SGK (hoặc xem SGK trực tuyến), xem các hình ảnh, lược đồ, biểu đồ trong SGK.	I/ Đới nóng - Vị trí: Đới nóng nằm ở khoảng giữa hai chí tuyến, kéo dài liên tục từ Tây sang Đông thành một vành đai bao quanh Trái Đất. - Đặc điểm: + Nhiệt độ cao quanh năm. + Gió Tín phong Đông Bắc và Tín Phong Đông Nam thổi quanh năm. + Chiếm phần lớn diện tích đất nổi trên Trái Đất. + Thực vật, động vật phong phú. -Đới nóng có 4 kiểu môi trường: + Môi trường xích đạo ẩm + Môi trường nhiệt đới + Môi trường nhiệt đới gió mùa + Môi trường hoang mạc II/ Môi trường xích đạo ẩm 1.Khí hậu - Vị trí: Môi trường xích đạo ẩm chủ yếu nằm trong khoảng từ 5⁰B đến 5⁰N. - Đặc điểm khí hậu: + Nắng nóng và mưa nhiều quanh năm. + Chênh lệch nhiệt độ rất thấp (khoảng 3⁰C) + Độ ẩm cao, trên 80% + Lượng mưa trung bình năm: 1500mm – 2500mm. 2.Rừng rậm xanh quanh năm - Nhiệt độ và độ ẩm cao => hình thành rừng rậm xanh quanh năm - Rừng có nhiều loại cây, mọc nhiều tầng rậm rạp. Động vật phong phú - Ở cửa sông và ven biển có rừng ngập mặn
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	-Quan sát biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Singapo (vĩ độ 1⁰B) và cho biết: + Nhiệt độ cao nhất: + Nhiệt độ thấp nhất: + Biên độ nhiệt: + Lượng mưa cao nhất: + Lượng mưa thấp nhất:
NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 6: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu SGK (hoặc xem SGK trực tuyến), xem các hình ảnh, lược đồ, biểu đồ trong SGK.	I/ Khí hậu - Vị trí: Môi trường nhiệt đới nằm ở khoảng từ vĩ tuyến 5⁰ đến chí tuyến ở cả hai bán cầu. - Đặc điểm khí hậu: + Nhiệt độ cao quanh năm trên 20⁰C + Có một thời kì khô hạn (từ 3 đến 9 tháng) + Lượng mưa trung bình năm từ 500mm đến 1500mm, tập trung vào một mùa. II/ Các đặc điểm khác của môi trường - Thực vật thay đổi theo mùa: Càng gần 2 chí tuyến, thực vật càng nghèo nàn: từ rừng thưa => đồng cỏ cao (xavan) => nửa hoang mạc

	- Đất Feralit đỏ vàng dễ bị rửa trôi, xói mòn nếu canh tác không hợp lý và rừng bị phá hoại - Sông ngòi nhiệt đới có 2 mùa: mùa lũ và mùa cạn. - Là một trong những khu vực đông dân của thế giới. - Có thể trồng nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Quan sát biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa hình 6.1; 6.2 và cho biết: + Nhiệt độ cao nhất: + Nhiệt độ thấp nhất: + Biên độ nhiệt: + Lượng mưa cao nhất: + Lượng mưa thấp nhất:

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 2:TRUNG THỰC
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	1.Truyện đọc: “Sự công minh chính trực của nhân tài” học sinh xem SGK/6,7 HS trả lời phần gợi ý a, b SGK /7. a) Mi- ken- lăng-giơ có thái độ rất công minh và trung thực đối với công trình kiến trúc của Bra- man- tơ. b) Mi- ken- lăng- giơ có thái độ như vậy vì đó chính là cảm nhận thực sự của ông đối với công trình của Bra- man-tơ => Ông là một người trung thực. Vậy em hiểu thế nào là trung thực? 2.Nội dung bài học: a) Khái niệm: -Trung thực là luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lí, lẽ phải. Sống ngay thẳng, thật thà và dám dũng cảm khi mình mắc khuyết điểm. b)Ý nghĩa: - Trung thực là đức tính cần thiết và quý báu của mỗi người. - Sống trung thực giúp ta nâng cao phẩm giá, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội và sẽ được mọi người tin yêu, kính trọng. * Tục ngữ: Cây ngay không sợ chết đứng. * Danh ngôn: Phải thành thật với mình, có thể mới không dối trá với người khác. 3. Bài tập; a) Trong những hành vi sau đây, hành vi nào thể hiện tính trung thực? giải thích vì sao? • Làm hộ bài cho bạn • Quay cóp trong giờ kiểm tra • Nhận lỗi thay cho bạn • Thẳng thắn phê bình khi bạn mắc khuyết điểm • Dũng cảm nhận lỗi của mình • Nhặt được của rơi, đem trả lại người mất • Bao che thiếu sót của người đã giúp đỡ mình. b) Thầy thuốc giấu không cho người bệnh biết sự thật về căn bệnh hiểm nghèo của họ. Em có suy nghĩ gì về việc làm đó của người thầy thuốc? c) Hãy kể lại những việc làm thể hiện tính trung thực hoặc thiếu trung thực mà em thấy trong cuộc sống hằng ngày? d) Đối với người học sinh, để rèn luyện tính trung thực, theo em

	cần phải làm gì?
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	-Ghi nội dung bài học đầy đủ. -Ôn lại nội dung bài cũ. -Làm bài tập a, b, c, d trang 8 vào tập(ở sau tập) -Đọc và tìm hiểu trước bài 3: Tự trọng.

MÔN NGOẠI NGỮ KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Unit 2 (B1,2,3,4)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	A. VOCABULARY Months /mʌnθ/ (n): tháng January /'dʒænjʊəri/ (n): tháng một February /'februəri/ (n): tháng hai March /mɑ:tʃ/ (n): tháng ba April /'eɪprəl/ (n): tháng tư May /meɪ/ (n): tháng năm June /dʒu:n/ (n): tháng sáu July /dʒu:'laɪ/ (n): tháng bảy August /'ɔ:gəst / (n): tháng tám September /sep'tembə(r)/ (n): tháng chín October /ɒk'təʊbə(r)/ (n): tháng mười November /nəʊ'vembə(r)/(n): tháng mười một December /dɪ'sembə(r)/ (n): tháng mười hai B. GRAMMAR I/Talking on the phone - Nói chuyện qua điện thoại 1/ Saving the telephone numbers. (Cách nói số điện thoại) 1/ Saving the telephone numbers. (Cách nói số điện thoại) a) Số điện thoại thường được đọc từng chữ số (digit), số không (0) được đọc là "oh" Ex: 8902431 : eight - nine - oh - two - four - three - one. b) Khi có 2 số liên tiếp giống nhau ta có thể đọc từng chữ số như bình thường hay dùng từ double / 'dʌbl / trước chữ số đó. Ex: 8220551 : eight — double two — oh — double five one. 2/ Khi yêu cầu được nói chuyện với ai, ta nói: Ex: Hello. Could/ May I speak to (Mary/ Mr Brown ...). please? 3/ Đáp lại lời yêu cầu hay trả lời điện thoại khi có tiếng chuông reo, ta nói: Ex: Hello. (Mary/Tom Brown ...) speaking. 4/ Hỏi tên người gọi: Ex: Who's calling, please? (What's) your name, please? II.Saying the Dates. (Nói nhật ký: Ngày tháng năm) Muốn nói nhật ký, ta dùng số thứ tự (ordinal numbers) theo 2 cách sau: a) Tháng trước ngày sau. Ex: January the first (Ngày 1 tháng giêng) b) Ngày trước tháng sau. Ex: The first of January (Ngày 1 tháng giêng)
Hoạt động 2: Kiểm	C.PRACTICE

<i>tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	* Chọn đáp án đúng nhất Ví dụ: 0.. you like a cup of tea? A. Would B. Will C. What D. How 1. I think she.....the party tomorrow. a. will enjoy b. enjoy c. enjoys d. is enjoy 2. January is the..... month of year. a. one b. first c. two d. twice 3. you be free tomorrow? a. do b. have c. are d. will 4. What's your..... ? a. date of birth b. birthday c. date d. birth 5. I don't have friends in Hue. a. some b. much c. a lot d. many 6. How does I take to walk from your house to school? a. long b. far c. often d. many 7 is your telephone number? a. What b. Where c. When d. Which 8. We will our old friends next Sunday. a. meet b. meets c. meeting d. to meet 9. Nam will some friends on his birthday party. a. have b. call c. invite d. tell 10. is her address? a. When b. What c. How d. Which
--	--

MÔN CÔNG NGHỆ KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	BÀI 3: MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT LÀ GÌ? Tỉ lệ (%) các hạt: cát, limon (bụi), sét quyết định thành phần cơ giới của đất. II. THẾ NÀO LÀ ĐỘ CHUA, ĐỘ KIỀM CỦA ĐẤT? Căn cứ vào độ pH của đất người ta chia thành: – Đất chua (pH< 6,5). – Đất trung tính (pH= 6,6 – 7,5) – Đất kiềm (pH> 7,5). III. KHẢ NĂNG GIỮ NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG CỦA ĐẤT Đất giữ được nước và chất dinh dưỡng là nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn. IV. ĐỘ PHÌ NHIÊU CỦA ĐẤT LÀ GÌ? Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất có thể cho cây trồng có năng suất cao. Tuy nhiên, muốn có năng suất cao phải có đủ các điều kiện: đất phì nhiêu, thời tiết thuận lợi, giống tốt, chăm sóc tốt. ***DẶN DÒ – Các em chép nội dung bài vào tập. – Học bài – Xem trước bài 6
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Em hãy học thuộc nội dung hoạt động 1 và trả lời các câu hỏi sau: – Thế nào là đất chua, đất kiềm và đất trung tính ? – Vì sao đất giữ được nước và chất dinh dưỡng ? – Độ phì nhiêu của đất là gì ?

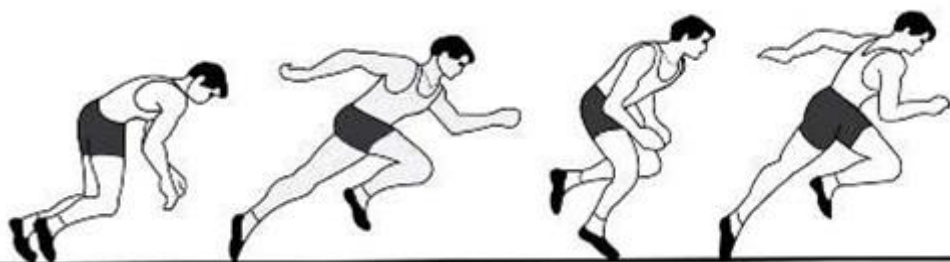
MÔN ÂM NHẠC KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	HỌC BÀI HÁT: KHÚC CA BỐN MÙA
HD 1: HỌC HÁT: HS ghi chép bài và lắng nghe hướng dẫn của GV	- HS học hát bài <i>Khúc ca bốn mùa</i> theo đường link: https://youtu.be/ns0DggzQAFw - HS chép lời bài hát “<i>Khúc ca bốn mùa</i>” vào vở: KHÚC CA BỐN MÙA Nhạc và lời: Nguyễn Hải Hạt nắng hạt nắng cho mẹ ra đồng Hạt Mưa Hạt mưa cho cây lúa trở bông Hạt nắng hạt nắng trên vai em đến trường Hạt mưa Hạt mưa cho cây vườn thêm xanh Khi trời đổ nắng có mưa về dịu lại Khi trời đầy mưa có nắng về sưởi ấm. Bốn mùa có nắng và có mưa Bốn mùa cây xanh và cây lớn Bốn mùa có nắng và có mưa Bốn mùa nhịp đời mãi sinh sôi
HD 2: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH TỰ HỌC	- Tìm hiểu nội dung bài và trả lời các câu hỏi sau: ? Tên bài hát và tác giả ? Viết ở nhịp mấy, giọng gì? ? Nội dung của bài hát
HD3: THỰC HÀNH	- Hát bài hát “<i>Khúc ca bốn mùa</i>” kết hợp vỗ tay đệm theo phách hoặc theo nhịp. * Lưu ý các em thể hiện sự phấn khởi, nét mặt vui tươi theo âm nhạc.

MÔN THỂ DỤC KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	CỦ LY NGẮN Kỹ thuật chạy lao sau xuất phát – chạy giữa quãng
HD 1:	Cư ly chạy ngắn gồm 4 giai đoạn : xuất phát – chạy lao – giữa quãng – kết thúc. I. Giai đoạn chạy lao Để đạt được thành tích cao trong chạy ngắn, điều rất quan trọng là nhanh chóng đạt tốc độ gần cực đại trong giai đoạn chạy lao. Thời điểm bắt đầu giai đoạn chạy lao: Khi nghe hiệu lệnh “chạy” thân người đổ về phía trước khoảng 50 – 45 độ, chân phía sau bước lên rời khỏi vạch xuất phát bắt đầu chuyển sang giai đoạn chạy lao. Bước đầu tiên được kết thúc bằng việc duỗi thẳng hoàn toàn của chân đạp sau khỏi bàn đạp trước và việc nâng đùi đồng thời của chân kia lên - chân đặt trên đường chạy hơi tách rộng, sau đó giảm dần cho tới khi kết thúc chạy lao - Tốc độ chạy lao tăng lên nhờ tăng độ dài bước chạy. Bước chạy sau nên dài hơn bước chạy trước khoảng 1/2 bàn chân, sau 9 - 11 bước thì ổn định - và tích cực bằng việc hạ chân xuống dưới, thân người ở tư thế gấp sau mỗi bước chạy chuyển động về trước tăng lên và độ gấp của thân người giảm đi,

thân trên được nâng lên dần dần và khi tốc độ đạt cực đại thì thân người ở tư thế bình thường và chuyển sang giai đoạn chạy giữa quãng.



- Chạy giữa quãng thường bắt đầu từ mét thứ 25 – 30 (sau khoảng 13 – 15 bước chạy), khi đạt 90 – 95% tốc độ chạy tối đa.
- Tay đánh mạnh về trước cũng có ý nghĩa đáng kể. Trong chạy lao sau xuất phát, về cơ bản việc đánh tay cũng tương tự như trong chạy giữa quãng song với biên độ lớn hơn.

II. Giai đoạn chạy giữa quãng

- Từ giai đoạn chạy lao chuyển sang giai đoạn chạy giữa quãng phải liên tục, Nhiệm vụ chủ yếu của chạy giữa quãng là duy trì tốc độ cao đã đạt được trong giai đoạn chạy lao.
- Tốc độ chạy giữa quãng chủ yếu phụ thuộc vào hai giai đoạn chống và chuyển
- Trong giai đoạn chống người thực hiện đạp sau tạo điều kiện chuyển thân người về trước, chân được gấp lại ở khớp gối giai đoạn chuyển đùi nhanh về phía trước.
- vai và hông phải chủ động chuyển về phía trước, Chuyển động của vai so với hông cân so le như của tay và chân.
- Khi đánh tay, 2 tay gấp ở khuỷu, đánh so le và phù hợp với nhịp chạy của 2 chân. 2 vai cân thả lỏng, đánh về phía trước và hơi khép vào trong, đánh ra sau hơi mở (nhưng không phải là đánh sang hai bên) để giữ thẳng bằng cho cơ thể. 2 bàn tay có thể nắm hờ hoặc duỗi các ngón tay.

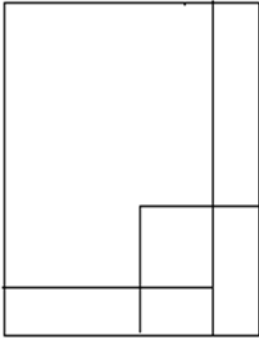
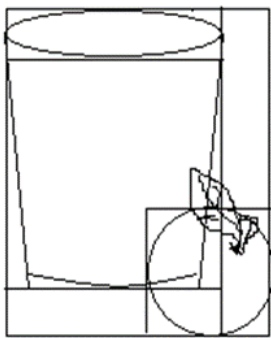
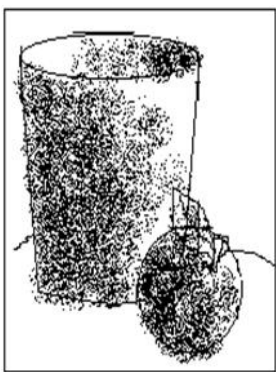
Khi chạy trên toàn cự ly cần hít thở bình thường, chủ động, không làm rối loạn kỹ thuật và nhịp điệu chạy.

HD 2:
KIỂM
TRA
ĐÁNH
GIÁ
QUÁ
TRÌNH
TỰ
HỌC

- Bài 1 : Chạy bước nhỏ
- Bài 2 : Chạy nâng cao đùi
- Bài 3 : Chạy đạp sau
- Bài 4 : Chạy hất gót chân chạm mông
- Bài 5 : Chạy tăng tốc độ
- Bài 6 : Chạy tăng tốc độ 20 mét, 30 mét, 50 mét
- Bài 7 : Bài tập chạy với độ dài bước quy định
- Bài 8 : Chạy nhịp điệu
- Bài 9 : Chạy liên tục
- Bài 10 : Bài tập chạy “biến tốc”

MÔN MỸ THUẬT KHỐI 7 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	Bài học: CÁI CỐC VÀ QUẢ – Vẽ chì đậm nhạt
Hoạt động 1: TÌM	I. Quan sát nhận xét:

HIỂU BÀI	- Vị trí đặt cái cốc và quả - Hình dáng - Cấu tạo - Chất liệu. - Màu sắc - Hướng ánh sáng. - Bóng đổ II. Cách vẽ: (4 bước) 1. Vẽ phác khung hình chung và khung hình riêng riêng. 2. Kẻ trục đối xứng và ước lượng tỉ lệ từng phần của vật mẫu 3. Vẽ phác nét chính - Vẽ chi tiết (vẽ hình). 4. Vẽ đậm nhạt. + Vẽ phác mảng đậm nhạt + Diễn tả màu nền, không gian, bóng đổ.  1  2  3  4
Hoạt động 2: THỰC HÀNH BÀI VẼ Lưu ý: Học sinh có thể sử dụng giấy vẽ hoặc giấy tập	BÀI TẬP - Vẽ cốc và quả - vẽ chỉ đậm nhạt (không vẽ màu).

Nếu học sinh khó khăn trong việc tự nghiên cứu học tập thì ghi rõ nội dung thắc mắc như mẫu sau để trường gửi về giáo viên bộ môn:

Trường:

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh

--	--	--

--	--	--

--	--	--